

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 37 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được quy định tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính được quy định tại số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5 tại Điểm 3 Phần I tại Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 4

năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, Văn phòng Bộ (Phòng Kiểm soát TTHC), Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, BHD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Minh Ngân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm 2025

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
A	Thủ tục hành chính cấp Trung ương					
1	1.009480	Công nhận khu vực biển cấp Bộ	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.004512	Giao khu vực biển	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.004520	Gia hạn Quyết định giao khu vực biển	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

4	1.004333	Trả lại khu vực biển	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	2.001745	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	1.000801	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp Trung ương)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	1.002048	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp Trung ương)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	1.002025	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp Trung ương)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

9	1.001658	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp Trung ương)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
10	1.001631	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp Trung ương)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11	1.000916	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển (cấp TW)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
12	1.000886	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển (cấp TW)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
13	1.000853	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (cấp TW)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

14	1.000835	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học (cấp TW)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
15	1.001373	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp TW)	- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
16	1.001371	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp TW)	- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Biển và Hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện theo Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.005401	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ

						Nông nghiệp và Môi trường
3	1.005399	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	1.009481	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	1.005189	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ

						Nông nghiệp và Môi trường
8	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
10	2.000444	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
11		Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thực hiện theo Điểm 1 Mục A phần II
12		Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Điểm 2 Mục A phần II
13		Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Điểm 3 Mục A phần II

					biển	
14		Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Điểm 4 Mục A phần II
15	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
16	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển	Thực hiện theo Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
C	Thủ tục hành chính cấp xã					
1		Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp xã có biển	Thực hiện theo Điểm 1 Mục B phần II
2		Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp xã có biển	Thực hiện theo Điểm 2 Mục B phần II
3		Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng	- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân	Thực hiện theo Điểm 3 Mục B

		thủy sản			cấp xã có biển	phần II
4		Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp xã có biển	Thực hiện theo Điểm 4 Mục B phần II
5		Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	Biển và Hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp xã có biển	Thực hiện theo Điểm 5 Mục B phần II

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Tên thủ tục: Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học gửi qua đường ngoại giao đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp tổ chức nước ngoài là tổ chức liên Chính phủ thì gửi hồ sơ qua đường ngoại giao hoặc gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài mà nước đó chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam thì gửi hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thời gian thực hiện: chậm nhất 06 tháng trước thời điểm dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

c) Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời.

Đối với các trường hợp có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển mà có ý kiến không đồng ý của 01 trong các Bộ: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài và yêu cầu tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

Thời gian tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép là trong vòng 30 ngày.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không điều chỉnh nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa và gửi lại hồ sơ đề nghị cấp phép trong thời hạn quy định,

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, đánh giá khả năng và nhu cầu hợp tác của phía Việt Nam trên cơ sở ý kiến đề xuất hợp tác của các cơ quan và ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về nội dung, yêu cầu hợp tác. Tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài phải trả lời bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý hợp tác là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp đồng ý hợp tác, tổ chức, cá nhân nước ngoài và phía Việt Nam trao đổi, thảo luận các nội dung và điều kiện hợp tác, ký văn bản thỏa thuận hợp tác gửi bổ sung vào hồ sơ đề nghị cấp phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

đ) Bước 5: Quyết định việc cấp phép nghiên cứu khoa học

Chậm nhất trong **thời hạn 120 ngày** kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định; trên cơ sở kết quả thẩm định, trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định và có ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định hoặc thuộc một trong các trường hợp từ chối cấp phép theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không đồng ý hợp tác trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh; nghiên cứu khoa học có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc từ chối cấp phép.

Thời hạn ra quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học đối với trường hợp nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở

đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 thì thời hạn 120 ngày xem xét ra quyết định cấp phép được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh bổ sung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

e) Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định cấp phép hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

1.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học qua đường ngoại giao đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp tổ chức nước ngoài là tổ chức liên chính phủ thì gửi hồ sơ qua đường ngoại giao hoặc gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài mà nước đó chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam thì gửi hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định cấp phép hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học được lập theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học;

- Văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác với phía Việt Nam ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học;

- Dự án hoặc kế hoạch nghiên cứu khoa học ở khu vực biển dự kiến tiến hành nghiên cứu khoa học.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

a) *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

b) *Thời hạn lấy ý kiến*: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

c) *Thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến*: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) *Thời hạn tiến hành thẩm định*: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.

đ) *Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ*: chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải quyết định về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.

Trường hợp hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 41/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016, thời hạn 120 ngày được tính từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.

c) *Cơ quan phối hợp*: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh hoặc văn bản thông báo từ chối cấp phép nghiên cứu khoa học.

1.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 01: Đơn đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Mẫu số 05: Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập; tổ chức quốc tế là tổ chức liên chính phủ; cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước nơi cá nhân mang quốc tịch;

- Có nhu cầu nghiên cứu khoa học độc lập hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học với phía Việt Nam; đối với trường hợp nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam thì phải có sự hợp tác với phía Việt Nam khi Việt Nam có yêu cầu;

- Hoạt động nghiên cứu khoa học vì mục đích hòa bình; không gây phương hại đến chủ quyền quốc gia, hoạt động quốc phòng, an ninh của Việt Nam; không gây ô nhiễm môi trường biển; không cản trở các hoạt động hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong vùng biển Việt Nam;

- Có đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm***ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
TRONG VÙNG BIỂN TỈNH ...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh...

1. Thông tin chung

1.1. Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:	
1.2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cấp phép:	
Tên tổ chức, cá nhân nước ngoài:	
Quốc tịch:	
Địa chỉ:	
Chức danh, tổ chức nơi làm việc (nếu là cá nhân):	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):	
Tên và cơ quan chịu trách nhiệm điều phối dự án lớn (nếu như hoạt động nghiên cứu là một dự án nhỏ trong một dự án lớn hơn):	
1.3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hợp tác (nếu có):	
Tên tổ chức, cá nhân Việt Nam:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức, có lý lịch khoa học của cá nhân (nếu có):	
1.4. Tổ chức tài trợ (nếu có):	
Tên tổ chức:	
Người đại diện tổ chức:	
Địa chỉ:	

Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử của tổ chức tài trợ (nếu có):	
1.5. Các nhà khoa học (nước ngoài) tham gia hoạt động nghiên cứu:	
Tên nhà khoa học:	Quốc tịch:
Chức danh, tổ chức nơi làm việc:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):	
1.6. Các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu (nếu có):	
Tên nhà khoa học:	
Chức danh, tổ chức nơi làm việc:	
Địa chỉ:	
Số điện thoại:	Email:
Trang thông tin điện tử có lý lịch khoa học của nhà khoa học (nếu có):	

2. Mô tả hoạt động nghiên cứu

2.1. Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:
2.2. Nội dung và nhiệm vụ chính của hoạt động nghiên cứu:
2.3. Sản phẩm chính của hoạt động nghiên cứu:
2.4. Các hoạt động nghiên cứu đã tiến hành hoặc dự kiến sẽ tiến hành trong tương lai có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:
2.5. Các công bố khoa học trước đây có liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

3. Vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu

3.1. Chỉ rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành các hoạt động nghiên cứu (nêu rõ cả vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu)
3.2. Bản đồ với tỉ lệ thích hợp thể hiện rõ vị trí, tọa độ khu vực biển dự kiến tiến hành hoạt động nghiên cứu, vị trí, tọa độ và độ sâu của các điểm lấy mẫu, tuyến đường thực hiện nghiên cứu, vị trí của thiết bị nghiên cứu (kèm theo Đơn đề nghị cấp phép)

4. Phương tiện và phương pháp nghiên cứu

4.1. Thông tin chi tiết của tàu thuyền:	
Tên:	Loại:
Quốc tịch (quốc gia tàu mang cờ):	Số đăng ký (IMO/Lloyds No.):
Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:	
Chủ sở hữu:	Chủ sử dụng:
Tổng chiều dài (mét):	Hạ thủy tối đa (mét):
Tổng trọng tải:	Động cơ:
Tốc độ tối đa:	Ký hiệu:
Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu thuyền nghiên cứu):	
Số INMARSAT, phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):	
Tên thuyền trưởng:	Số thuyền viên:
Số các nhà khoa học trên tàu:	
Tài liệu có liên quan được yêu cầu theo các quy định và điều ước quốc tế:	
Các thông tin có liên quan khác:	
4.2. Thông tin chi tiết của tàu bay:	
Tên:	Loại:
Quốc tịch (quốc gia tàu bay mang cờ):	
Trang thông tin điện tử có sơ đồ và thông số kỹ thuật:	
Chủ sở hữu:	Chủ sử dụng:
Tổng chiều dài:	Tổng trọng tải:
Tốc độ tối đa:	
Tính năng kỹ thuật (mô tả chi tiết tính năng kỹ thuật của tàu bay):	
Phương thức và khả năng liên lạc (bao gồm cả tần số trong trường hợp khẩn cấp):	
Chi tiết về gói cảm biến:	

Thông tin liên quan khác:		
4.3. Phương tiện nghiên cứu khác sử dụng:		
4.4. Thông tin chi tiết về các phương pháp và các công cụ nghiên cứu khoa học:		
Các loại mẫu vật và phương pháp lấy mẫu	Phương pháp sử dụng	Công cụ được sử dụng
4.5. Số lượng, tính chất của các chất đưa vào môi trường biển:		
4.6. Nêu rõ việc khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển dự kiến sẽ được thực hiện (Nếu có, chỉ rõ vị trí, tọa độ, độ sâu của việc khoan; chi tiết về phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường đáy biển, lòng đất dưới đáy biển sau khi khoan):		
4.7. Nêu rõ hóa chất dự kiến sử dụng, vụ nổ dự kiến thực hiện (Nếu có, chỉ rõ loại, tên thương mại, thành phần hóa học, kích thước, độ sâu của vụ nổ, tần suất của vụ nổ và vị trí, tọa độ nơi dự kiến thực hiện):		

5. Thiết bị nghiên cứu

Thông tin chi tiết về các thiết bị nghiên cứu (bao gồm tên, loại thiết bị, hình vẽ mô tả (nếu có) ngày lắp đặt, phương thức, thời gian dự kiến cho việc bảo dưỡng, vị trí, độ sâu và phương pháp lắp đặt):
--

6. Lịch trình nghiên cứu

6.1. Dự kiến ngày đầu tiên và ngày cuối cùng thực hiện hoạt động nghiên cứu:
6.2. Chi tiết lịch trình của toàn bộ chuyến nghiên cứu:

7. Các cảng tàu sẽ dừng

7.1. Ngày và tên các cảng dự định dừng:
7.2. Dịch vụ dự kiến sử dụng tại cảng dừng (nếu có):
7.3. Tên/địa chỉ/số điện thoại của hãng tàu (nếu có):

8. Đăng ký thông tin liên lạc

8.1. Kiểu, loại máy thông tin liên lạc:
8.2. Tần số vô tuyến sử dụng:
8.3. Thời gian liên lạc trong ngày:

9. Sự tham gia của nhà khoa học Việt Nam

9.1. Số người, thời gian tham gia nghiên cứu:
9.2. Quyền lợi, nghĩa vụ của nhà khoa học Việt Nam:
9.3. Ngày dự kiến và các cảng đón, trả nhà khoa học Việt Nam:

10. Báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu

10.1. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo kết quả nghiên cứu sơ bộ:
10.2. Ngày dự kiến gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam báo cáo chính thức về kết quả nghiên cứu và các thông tin, dữ liệu, mẫu vật:
10.3. Phương thức gửi báo cáo, chuyển giao thông tin, dữ liệu, mẫu vật thu được từ hoạt động nghiên cứu:
10.4. Phương thức đề cung cấp cho Việt Nam việc đánh giá thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:
10.5. Phương thức cung cấp sự hỗ trợ cho Việt Nam trong việc đánh giá, phân tích các thông tin, dữ liệu, mẫu vật và kết quả nghiên cứu:
10.6. Phương thức xây dựng báo cáo kết quả cuối cùng của hoạt động nghiên cứu trên phương diện quốc tế:

11. Các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng

Nêu rõ việc thực hiện các điều kiện và yêu cầu khác phải đáp ứng theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động nghiên cứu:

12. Các tài liệu kèm theo

Nêu rõ các tài liệu gửi kèm theo.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

... , ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển tỉnh ...
(sửa đổi, bổ sung)¹****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...**

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh của Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

- a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:
- b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:
- c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
- d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
- đ) Vật liệu nổ, hóa chất độc được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):....

¹ Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

- e) Lịch trình nghiên cứu:
- g) Các cảng đến và đi (nếu có):
- h) Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
- i) Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

Điều 2. Ông/Bà/Tổ chức ... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... có trách nhiệm:

- a) Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh;
- b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- d) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh và Ông/Bà/Tổ chức ... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

2. Tên thủ tục: Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thời gian gửi hồ sơ: chậm nhất 90 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định;

c) Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

đ) Bước 5: Quyết định việc sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

e) Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

2.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: Gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép hoặc thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ nội dung, lý do sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

b) Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.

c) Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.

c) Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

2.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 02: Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Mẫu số 05: Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh (sửa đổi, bổ sung).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định;

- Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và điểm g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học còn hiệu lực.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm***ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN TỈNH ...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:.....

Tên tổ chức, cá nhân:Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:Email:.....

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển tỉnh ... theo Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh...

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.**3. Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ...:**

- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

- Lý do và giải trình đề nghị sửa đổi, bổ sung:

4. ... (Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh ... và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.**5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:**

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

- Các tài liệu làm cơ sở giải trình, chứng minh cho đề nghị sửa đổi, bổ sung (nếu có)/.

Tổ chức/cá nhân làm đơn*(Ký tên, đóng dấu)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

..., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển tỉnh ...
(sửa đổi, bổ sung)²**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học/sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh của Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân Việt Nam trong trường hợp có hợp tác nghiên cứu khoa học) ... được tiến hành nghiên cứu khoa học trong biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

- a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:
- b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu:
- c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:
- d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:
- đ) Vật liệu nổ, hóa chất độc được phép sử dụng để nghiên cứu (nếu có):....

² Ghi trong trường hợp được sửa đổi, bổ sung.

- e) Lịch trình nghiên cứu:
- g) Các cảng đến và đi (nếu có):
- h) Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:
- i) Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

Điều 2. Ông/Bà/Tổ chức ... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... có trách nhiệm:

- a) Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép/hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển tỉnh ...;
- b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- d) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển tỉnh

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (*tên tổ chức, cá nhân*) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

3. Tên thủ tục: Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh

3.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là 90 ngày trước ngày quyết định cấp phép hết hạn.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

c) Bước 3: Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thực hiện việc lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định đề nghị gia hạn quyết định cấp phép, kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản.

đ) Bước 5: Quyết định việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

e) Bước 6: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan.

3.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh đến tổ chức, cá nhân nước ngoài, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ thời gian, lý do đề nghị gia hạn được lập theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn;

- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

a) Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.

b) Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.

c) Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 80 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.

c) *Cơ quan phối hợp*: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

3.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

Mẫu số 03: Đơn đề nghị gia hạn Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

Mẫu số 06: Quyết định về việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 41/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp còn hiệu lực và thời hạn còn lại ít nhất là 90 ngày.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN TỈNH ...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh ...

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:

Tên tổ chức, cá nhân: Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Email:

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển tỉnh ... theo Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh....

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

3. Đề nghị được gia hạn Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Lý do (nêu rõ lý do và giải trình) về đề nghị gia hạn:.....

Thời gian đề nghị gia hạn: Từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm

4. ... (Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển của tỉnh ... và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Tài liệu gửi kèm theo đơn này:

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.
- Bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học đã được cấp./.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...

Mẫu số 06
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

..., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển tỉnh ...**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh của Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ...;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời hạn nghiên cứu khoa học đã được cấp phép tại Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh

Thời hạn gia hạn là ... ngày/tháng, kể từ ngày ... tháng ... năm

Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân, địa chỉ, quốc tịch) ... có trách nhiệm:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh ... và Ông/Bà/Tổ chức ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT,....

CHỦ TỊCH

(Ký tên)

4. Tên thủ tục: Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh

4.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hình thức, thành phần, nội dung của hồ sơ đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.

c) Bước 3: Quyết định việc cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài trong trường hợp hồ sơ đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 5 năm 2016; trường hợp không đủ điều kiện cấp lại phải ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài.

d) Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp không đủ điều kiện cấp lại phải ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài.

4.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: gửi hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp bản sao quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cho tổ chức, cá nhân nước ngoài; trường hợp không đủ điều kiện cấp lại phải ban hành văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại được lập theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 41/2016/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện đến thời điểm đề nghị cấp lại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

a) *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.

b) *Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ*: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân nước ngoài.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: bản sao Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân nước ngoài trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại.

4.8. Phí, lệ phí: theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số 04: Đơn đề nghị cấp lại Quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển tỉnh

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Tổ chức, cá nhân nước ngoài đề nghị cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học nộp đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 41/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15 tháng 5 năm 2016;

b) Thời điểm đề nghị cấp lại tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

- Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*Tên địa danh, ngày ... tháng ... năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI QUYẾT ĐỊNH CẤP PHÉP
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG VÙNG BIỂN TỈNH ...**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh ...

1. Thông tin chung

Tên dự án/kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học:

Tên tổ chức, cá nhân: Quốc tịch:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: Email:

Đã được cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển tỉnh ... theo Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh....

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện.

3. Đề nghị được cấp lại bản sao Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ...:

Lý do đề nghị cấp lại:

4. ... (Tên tổ chức, cá nhân)... cam đoan thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh và các quy định pháp luật khác có liên quan của Việt Nam.

5. Gửi kèm theo đơn này Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học đã thực hiện./.

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

B. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

1. Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: ...)

1.1. Trình tự thực hiện

1.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

1.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong **01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành ngay Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

1.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn **25 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

1.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: **Không quá ba (03) ngày làm việc**, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

1.2. Cách thức thực hiện

1.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

1.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho Cá nhân Việt Nam.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc mã Số định danh cá nhân;

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc Cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

- Bản đồ khu vực biển theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

1.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản

1.4.2. Thời hạn thẩm định: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

1.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

1.5.1. Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận.

1.5.2. Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật sau ngày 15 tháng 7 năm 2014 được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP phải nộp hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP và thực hiện thủ tục hành chính về giao khu vực biển được quy định tại mục này.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

1.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

1.6.2. Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

1.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo Mẫu 06 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1.10.1. Cá nhân Việt Nam đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản nằm trong vùng biển 03 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

1.10.2. Hạn mức giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05ha.

1.10.3. Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi.... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào

được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Phòng NNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

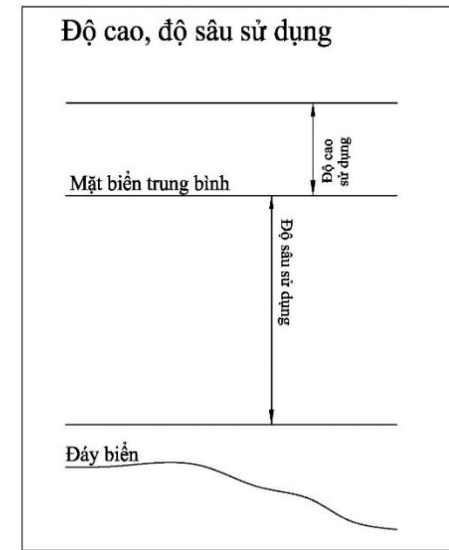
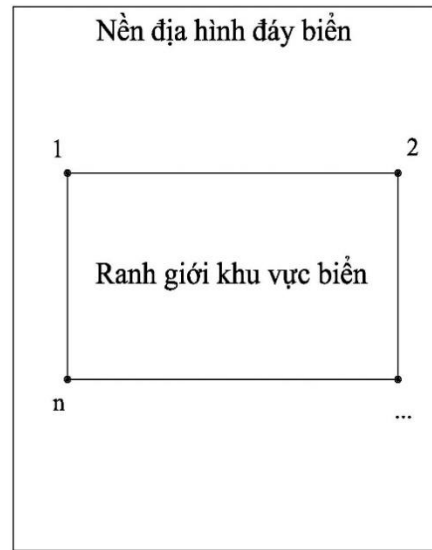
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

Khu vực biển sử dụng



Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm



Đường 3 hải lý (nếu có)



Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

2. Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: ...)

2.1. Trình tự thực hiện

2.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

2.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ **trong 01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: **Trong thời hạn 20 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

2.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: **Trong thời hạn 03 ngày làm việc**, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

2.2. Cách thức thực hiện

2.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 02 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP);

- Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;
- Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoặc còn thời hạn;
- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

2.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản;

2.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

2.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định gia hạn; trường hợp không gia hạn thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân Việt Nam chuyên đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

2.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biển gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho Cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

2.6.2. Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

2.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc giao khu vực biển theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

2.10.1. Hạn mức gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05 ha.

2.10.2. Cá nhân Việt Nam đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao sử dụng khu vực biển.

2.10.3. Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị gia hạn thời hạn.

2.10.4. Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

2.10.5. Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ...

Tên Cá nhân Việt Nam.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân....cấp ngày...tháng...năm...do .cấp ..

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh ... theo Quyết định giao khu vực biển số .ngày...thángnămcủa Ủy ban nhân dân cấp xã...

Đề nghị được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, thời gian gia hạn(tháng/năm).

Mục đích đang sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha), độ sâu sử dụng:...m, từ...m đến...m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ, độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển...m được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển.

Lý do đề nghị gia hạn

(Tên cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...***Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số..ngày..tháng..năm..về việc ..;**Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;**Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước

biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Phòng NN&MT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND XÃ ...
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

3. Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: ...)

3.1. Trình tự thực hiện

3.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam đề nghị trả lại khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

3.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ **trong 01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

1.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: **Trong thời hạn 15 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

1.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: **Trong thời hạn 03 ngày làm việc**, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

3.2. Cách thức thực hiện

3.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho đơn vị tiếp nhận hồ sơ.

3.2.3. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại đơn vị tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 11/2021/NĐ/CP;
- Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;
- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề

ngiht trả lại khu vực biển;

- Bản đồ khu vực biển (đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực biển) theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết

3.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản

3.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ:

Với hồ sơ trả lại toàn bộ khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

Với hồ sơ trả lại một phần khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

3.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép trả lại khu vực biển; trường hợp không cho phép trả lại khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

3.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biên quyết định trả lại khu vực biển cho Cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

3.6.2. Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

3.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cho phép trả lại khu vực biển (toàn bộ) theo Mẫu số 07 ban của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP hoặc Quyết định giao khu vực biển mới đối với phần diện tích khu vực biển còn lại theo Mẫu số 06 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại hoặc trả lại một phần khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển (toàn bộ)
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

3.10.1. Cá nhân Việt Nam được trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển đã được giao khi không còn nhu cầu sử dụng.

3.10.2. Cá nhân Việt Nam trả lại khu vực biển phải thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao theo quy định của pháp luật.

3.10.3. Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ trả lại khu vực biển theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 2 Nghị định 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ...

Tên Cá nhân Việt Nam

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

- Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân... cấp ngày... tháng... năm... do.... cấp ..

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc giao khu vực biển tại khu vực biển tại khu vực... thuộc xã... tỉnh....

- Hoặc đề nghị được trả lại một phần khu vực biển có diện tích trong tổng số diện tích..... ha được giao theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc giao khu vực biển tại khu vực biển tại khu vực... thuộc xã... tỉnh....

Lý do đề nghị trả lại

(Cá nhân Việt Nam) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ...

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (Tên cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (Tên cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn

bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

2. Cho phép trả lại ... (trường hợp cho phép trả lại một phần khu vực biển).

- Cho phép trả lại khu vực biển có diện tích:... (ha/m²); vị trí, tọa độ khu vực biển trả lại tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- (Tên cá nhân) ... có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ... ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.
3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Phòng NNMT..;
- Tên cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...**Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên cá nhân)**Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép (tên Cá nhân Việt Nam) được trả lại khu vực biển hoặc trả lại một phần khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân cấp xã. Địa chỉ:**Điều 2.** Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên Cá nhân Việt Nam) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực biển được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3.....

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và tổ chức, cá nhân... có liên quan có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Phòng NN&MT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ....
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu là
biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

Mẫu số 12

TÊN CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....
- Mục đích sử dụng.....
- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....
- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).
- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:
- Mục đích hoạt động:.....
- Quy mô hoạt động:
- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

4. Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: ...)

4.1. Trình tự thực hiện

4.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam có nhu cầu sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

4.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ **trong 01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: **Trong thời hạn 20 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

4.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: **Trong thời hạn 03 ngày làm việc**, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

4.2. Cách thức thực hiện

4.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho Cá nhân Việt Nam.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Quyết định giao khu vực biển đã được cấp (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử);

- Bản sao văn bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận thể hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

4.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

4.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

4.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

4.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

4.6.2. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan.

4.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc giao khu vực biển theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.**4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính**

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

4.10.1. Quyết định giao khu vực biển được xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi thông tin của Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển nhưng không làm thay đổi về sở hữu của Cá nhân Việt Nam trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

b) Thay đổi về sở hữu của Cá nhân Việt Nam đã được giao khu vực biển trong trường hợp nếu Cá nhân Việt Nam đã chết mà có người thừa kế;

c) Thay đổi về độ sâu; chiều cao công trình, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao do đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được điều chỉnh; tăng diện tích sử dụng khu vực biển trong trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc điều chỉnh văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao trong trường hợp một phần khu vực biển bị thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật.

4.10.2. Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4.10.3. Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực.

4.10.4. Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển được thể hiện bằng Quyết định giao khu vực biển mới. Thời hạn giao khu vực biển là thời hạn còn lại của Quyết định giao khu vực biển trước đó.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021

của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp.

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số, ngày tháng năm của: Ủy ban nhân dân cấp xã... về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã....., tỉnh....

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi.... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết

định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Phòng NNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND XÃ...
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

5. Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số: ...)

5.1. Trình tự thực hiện

5.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam có nhu cầu công nhận khu vực biển nộp hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp các địa phương lựa chọn mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì hồ sơ được nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp.

5.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ **trong 01 ngày làm việc** đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

5.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: **Trong thời hạn 10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

5.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: **Trong thời hạn 03 ngày làm việc**, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao khu vực biển; trường hợp không giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

5.2. Cách thức thực hiện

5.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

5.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho Cá nhân Việt Nam.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

5.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển (được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP));

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử văn bản có chứng thực cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển;

- Bản đồ khu vực biển theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết

5.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản;

5.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

5.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận khu vực biển; trường hợp không công nhận khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

5.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã có biên quyết định công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

5.6.2. Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

5.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc giao khu vực biển theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.**5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính**

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

5.10.1. Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật trước ngày 15 tháng 7 năm 2014 và đang sử dụng khu vực biển mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

5.10.2. Hạn mức giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05 ha.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tên cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

.....

(Tên cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường...

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày..tháng..năm..về việc

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;

Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi.... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết

định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (Tên cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, (Tên cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Phòng NNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

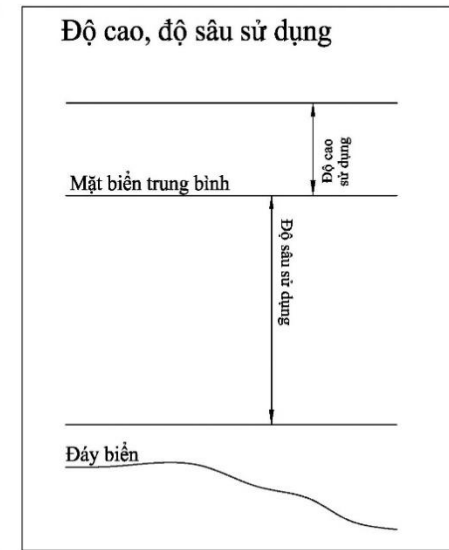
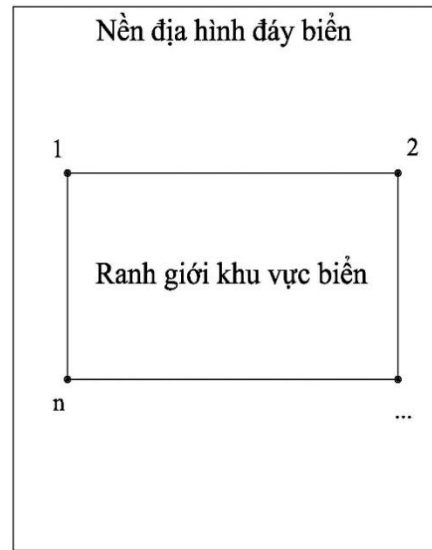
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

Khu vực biển sử dụng



Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm



Đường 3 hải lý (nếu có)



Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND XÃ ...
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN CÁ NHÂN

Mẫu số 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....
- Mục đích sử dụng.....
- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....
- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).
- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:
- Mục đích hoạt động:.....
- Quy mô hoạt động:
- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.
- 2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)
(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).
- 3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)
(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....
.....
.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN
TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...				
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...